

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ HOÀNG HỢP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34 /NQ-HĐND

Hoàng Hợp, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN XÃ HOÀNG HỢP
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Kế hoạch tài chính ngân sách Nhà nước 3 năm 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI tại kỳ họp thứ Năm về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-UB ngày 23/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hoá về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Hoàng Hợp về việc đề nghị phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách xã:	6.382.384.000 đồng
1. Thu tại xã:	128.500.000 đồng
2. Các khoản thu điều tiết thuế :	219.510.000 đồng
3. Thu tiền sử dụng đất:	2.257.000.000 đồng
4. Thu bổ sung cân đối ngân sách:	3.777.374.000 đồng
II. Tổng chi ngân sách xã:	6.382.384.000 đồng
1. Chi thường xuyên:	3.992.676.000 đồng
2. Chi đầu tư phát triển:	2.257.000.000 đồng
3. Chi dự phòng ngân sách:	132.708.000 đồng

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao UBND xã căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và các quy định của pháp luật báo cáo các cấp có thẩm quyền và công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 theo Luật định.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XXI, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐND-UBND huyện (b/c);
- Phòng Tư pháp (b/c);
- T.Tr Đảng ủy (b/c);
- Các đại biểu HĐND xã (t/h);
- Các thành viên UBND xã (t/h);
- MTTQ-các ngành đoàn thể (p/h);
- Các thôn (t/h);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Khánh

Biểu số: 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Hoằng Hợp)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.382.384.000	TỔNG SỐ CHI	6.382.384.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	163.500.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.257.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	2.441.510.000	II. Chi thường xuyên	3.992.676.000
III. Thu bổ sung	3.777.374.000	III. Dự phòng	132.708.000
- Bổ sung cân đối	3.777.374.000		
- Bổ sung có mục tiêu	-		
IV. Thu chuyển nguồn			

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Hoàng Hợp

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện 2022		Dự toán năm 2023	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU	8.002.607.579	8.002.607.579	6.382.384.000	6.382.384.000
I	Các khoản thu 100%	813.235.896	813.235.896	163.500.000	163.500.000
	- Phí, lệ phí	43.614.100	43.614.100	35.000.000	35.000.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi(Bao gồm tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất công ích)	713.855.014	713.855.014	128.500.000	128.500.000
	- Thu từ hoạt động chợ đồ, bến bãi	28.000.000	28.000.000		
	- Thu khác(Thu nợ cũ, thu trạm phát sóng viettel)	27.766.782	27.766.782		-
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-			-
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-			-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)	236.816.796	236.816.796	2.441.510.000	2.441.510.000
1	Các khoản thu phân chia	85.637.248	85.637.248	82.710.000	82.710.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đất ở	35.140.177	35.140.177	27.810.000	27.810.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14.600.000	14.600.000	14.900.000	14.900.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp , đất sxkd	-			-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			-
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.897.071	35.897.071	40.000.000	40.000.000
	- Thuê đất	-	-		-
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	151.179.548	151.179.548	2.358.800.000	2.358.800.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	93.585.507	93.585.507	47.200.000	47.200.000
	- Thuế GTGT + thu nhập doanh nghiệp	47.644.623	47.644.623	54.600.000	54.600.000
	- Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	1.249.000	1.249.000		1.240.000
	- Các khoản thu phân chia khác	8.700.418	8.700.418		
	- Thu tiền sử dụng đất	-		2.257.000.000	2.257.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã	-			-
IV	Thu chuyển nguồn	959.055.189	959.055.189		-
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	97.588.698	97.588.698		-
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.895.911.000	5.895.911.000	3.777.374.000	3.777.374.000
	- Thu bổ sung cân đối	3.768.438.000	3.768.438.000	3.777.374.000	3.777.374.000
	-Thu bổ sung có mục tiêu	2.127.473.000	2.127.473.000		

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Hoàng Hợp

ĐVT: Đồng

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3	4	5
			TỔNG CHI	6.382.384.000
989	280		SỰ NGHIỆP KINH TẾ	55.000.000
		281	Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra giám sát ATTP	20.000.000
		281	Chi hoạt động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp	35.000.000
989	280		CHI ĐẦU TƯ XDCB	2.257.000.000
989	280	292	Chi thanh toán nợ đọng XDCB các công trình đã phê duyệt QT, công trình đang thi công có khối lượng hoàn thành	491.967.000
989	280	283		
989	130	139		40.000.000
989	320	321		307.434.000
989	160	161		26.307.000
989	190	191		326.892.000
822	070	071		109.000.000
989	070	072		231.396.000
989	070	073		40.690.000
805	340	341		683.314.000
989	190	191	ĐÀI TRUYỀN THANH	11.235.000
			Chi hoạt động ĐTT	11.235.000
989	250	261	HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	50.692.000
			Chi sự nghiệp môi trường	52.000.000
			TK chi nghiệp vụ ngành	(1.308.000)
819	340	351	ĐẢNG ỦY XÃ	147.374.000
			Chi cho công tác đảng ở tổ chức cơ sở theo QĐ99 và QĐ 2587-QĐ/TW ngày 17/10/2018; Tổ chức kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ	147.374.000
811	340	361	ĐOÀN THANH NIÊN	45.500.000
			Khoản KP hoạt động của chi đoàn (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	8.000.000
			Hoạt động trại hè ĐTN	30.000.000
812	340	361	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ XÃ	13.500.000
			Khoản KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
813	340	361	HỘI NÔNG DÂN	25.500.000
			Khoản KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
			Đại Hội Nông Dân	12.000.000
814	340	361	HỘI CỰU CHIẾN BINH	13.500.000
			Khoản KP hoạt động của chi hội (5*1.500.000)	7.500.000
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
820	340	361	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC	63.500.000
			KP hoạt động của BCTMT thôn (5*2.500.000)	12.500.000
			KP hoạt động Khu dân cư thôn (5*5.000.000)	25.000.000

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
			Chi hoạt động của ngành (NQ 232)	6.000.000
			KP toàn dân đoàn kết theo TT121 cấp xã	20.000.000
802	340	341	VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	30.000.000
			Chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND theo NQ 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019	30.000.000
805	340	341	VĂN PHÒNG UBND	3.073.103.000
			Khoản KP hoạt động của thôn (5*3.500.000)	17.500.000
			Chi chế độ cho cán bộ công chức	1.754.274.000
			Phụ cấp BCT xã	188.884.000
			Đại biểu HĐND	154.215.000
			PC BCT thôn	378.162.000
			Phụ cấp cấp ủy	69.732.000
			Kinh phí quản lý hành chính khác mua sắm tài sản, sửa chữa thiết bị, máy móc,....	50.816.000
			Chi hoạt động hành chính	
			Chi trả cho cán bộ hợp đồng	69.600.000
			Chi tiền điện	65.000.000
			Chi công tác phí CBCC	72.000.000
			Chi VPP CBCC	72.600.000
			Cước mạng internet; điện thoại, dịch vụ công nghệ thông tin	28.000.000
			Tiền báo chí	22.000.000
			Chi tiếp cận pháp luật+ tuyên truyền+ hòa giải cơ sở	10.000.000
			Kinh phí cho cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân theo NQ 49/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	24.000.000
			Kinh phí giám sát cộng đồng theo NĐ 29/2021	10.000.000
			Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính theo NQ 143/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	4.000.000
			Kinh phí giám sát phản biện xã hội theo NQ 109/2018/NQ-HĐND	10.000.000
			Kinh phí cộng tác viên dân số - KHH theo VB số 8870/UBND - VX ngày 23/6/2021	6.000.000
			Nghịệp vụ cho Cán bộ công chức dôi dư (15trđ/người/năm)	15.000.000
			Kinh phí chuyển đổi ISO	36.000.000
			Kinh phí cải cách hành chính	5.000.000
			Hỗ trợ kinh phí cho người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục theo quyết định định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,... theo Nghị Quyết 250/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	4.320.000
			Phần mềm quản lý tài sản MiSa	2.000.000
			Phần mềm kế toán xã VCS	4.000.000
810	010	011	BAN QUÂN SỰ	47.900.000
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	30.000.000
			Kinh phí phụ cấp tăng thêm, BHXH cho ban Chỉ huy Quân sự xã	17.900.000

C	L	K	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
809	040	041	BAN CÔNG AN	30.000.000
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	30.000.000
824	370	362	HỘI CHỦ THẬP ĐỎ	6.000.000
			Chi hoạt động; Chi đại hội nhiệm kỳ	6.000.000
825	370	362	HỘI NGƯỜI CAO TUỔI	51.750.000
			Quà chúc thọ mừng thọ	50.250.000
			Chi hoạt động	1.500.000
989	370	362	HỘI CỨU TNXP	1.500.000
			Chi hoạt động	1.500.000
989	370	362	HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM	1.500.000
			Chi hoạt động	1.500.000
989	370	362	HỘI NGƯỜI TÀN TẬT VÀ TRẺ MỎ CÔI	1.500.000
			Chi hoạt động	1.500.000
			GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	80.000.000
822	070	071	GIÁO DỤC MẦM NON	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	072	GIÁO DỤC TRUNG TIỂU HỌC	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	073	GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
989	070	075	TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG	20.000.000
			Chi hoạt động	20.000.000
826	340	362	HỘI KHUYẾN HỌC	1.500.000
			Chi hoạt động	1.500.000
			Y TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI	242.122.000
823	130	132	TRẠM Y TẾ XÃ	-
			Chi HĐ bảo vệ trạm y tế	
			Chi hoạt động	
989	130	139	HOẠT ĐỘNG Y TẾ KHÁC	-
			Chi hoạt động	
989	130	374	HOẠT ĐỘNG CS NGƯỜI CÓ CÔNG	197.452.000
			Trợ cấp hàng tháng cho CB xã nghi việc theo chế độ	197.452.000
989	130	371	HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI KHÁC	18.070.000
			Chi hoạt động	18.070.000
989	161	161	Hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin	26.600.000
			Chi hoạt động văn hóa	26.600.000
			CHI DỰ PHÒNG	132.708.000
			TIẾT KIỆM CHI	86.484.000